| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THANH HÓA**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án: 229/2023/ HSST.

Ngày: 21/6/2023.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Cát Tưởng

Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

*Thư ký phiên tòa:*Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà:*

Ông Lê Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 247/2023/HSST ngày 15/5/2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2023/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo: **Trịnh Ngọc C** - sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Mạnh H và bà Huỳnh Thị T; có vợ là Nguyễn Hồng G và có 02 con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không;

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:** Chị Lê Thị V - sinh năm: 1991 (đã chết)

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***Người đại diện hợp pháp cho bị hại theo ủy quyền:***

Anh Bùi Khắc T1 - sinh năm: 1983 (là chồng của bị hại). Vắng mặt.

Trú tại: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo Trịnh Ngọc C bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng $20^{h}$ 00’ ngày 19/02/2023 tại Km 323 + 360 đường Q thuộc địa phận thôn N, xã H, TP T, Trịnh Ngọc C (có giấy phép lái xe hợp lệ), điều khiển xe ô tô khách BKS 73B - 007.07 theo hướng Bắc - Nam, do đi với tốc độ nhanh nhưng thiếu chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn với xe đi phía trước, đã đâm va từ phía sau vào đuôi xe mô tô BKS 36F5- 9250 do bà Hoàng Thị L, sinh năm 1966 trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa điều khiển, chở phía sau chị Lê Thị V, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đang lưu thông phía trước cùng chiều. Hậu quả: Bà L và chị V tử vong tại chỗ.

* Về khám nghiệm hiện trường: Hiện trường xảy ra tại Km 323+360 Quốc lộ A (đoạn ngay trước cây xăng S) thuộc địa phận xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Hướng Tây Nam đi cầu N, hướng Đông Bắc đi huyện H.

Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường đôi, có dải phân cách cứng ở giữa, chia đôi đường dành cho hai chiều phương tiện lưu thông riêng biệt. Tại vị trí này có khoảng mở dải phân cách rộng 24m. Hiện trường chính xảy ra tại phần đường bên phải dành cho chiều phương tiện lưu thông theo hướng Hoằng Hoá đi cầu Nguyệt Viên. Lòng

đường rộng 9,5m được rải nhựa tương đối bằng phẳng. Đoạn đường thẳng không bị hạn chế tầm nhìn, không có hệ thống đèn đường chiếu sáng.

Lấy đầu mút phía Tây Nam dải phân cách phía Đông Bắc của khoảng mở làm điểm mốc, lấy mép đường phía T làm mép chuẩn. Tiến hành đo đạc, khám nghiệm hiện trường, ghi nhận vị trí các phương tiện, dấu vết, vật chứng, nạn nhân như sau:

+ Vết (1): Vết tỳ trượt mặt đường kích thước trong diện (38,4x0,5)m. Vết có chiều Đông Bắc - T, bề mặt vết bám dính chất màu đen (dạng cao su). Đầu vết cách điểm mốc theo chiều T2 - Đông hơi chếch Bắc 8,3m, cách mép chuẩn 5,5m. Cuối vết trùng với vị trí 02 lốp phía sau cùng bên phải xe ô tô BKS 73B-007.07.

+ Vết (2): Vị trí cuối cùng của xe ô tô BKS 73B-007.07 dừng đỗ trên mặt đường. Đầu xe quay hướng T, đuôi xe quay hướng Đông Bắc. Hình chiếu tâm trục bánh trước bên phải cách mép chuẩn 4,7m, hình chiếu tâm trục bánh sau bên phải cách mép chuẩn 5,1m.

+ Vết (3): Vết cà xước mặt đường không liên tục, không rõ hình, kích thước trong diện (37,5x0,6)m. Vết có chiều Đ - T. Đầu vết cách đầu vết (1) theo chiều T - Đông Bắc 21,7m, cách mép chuẩn 6,14m. Cuối vết trùng với vị trí giá dể chân sau bên trái xe mô tô BKS 36F5-9250.

+ Vết (4): Vị trí xe mô tô BKS 36F5-9250 nằm ngã nghiêng trái trên mặt đường. Đầu xe quay hướng Đông hơi chếch B, đuôi xe quay hướng Tây hơi chếch N. T3 trục bánh trước cách mép chuẩn 3,2m, tâm trục bánh sau cách mép chuẩn 2,9m.

+ Vết (5): Vị trí một nạn nhân (nữ giới) nằm ngửa trên mặt đường, đầu quay hướng Đông Bắc, cách tâm trục bánh trước xe mô tô BKS 36F5-9250 theo chiều B - Nam 1,6m; cách mép chuẩn 2m. Tay phải co, tay trái duỗi; Chân quay hướng T, chân phải duỗi gác lên yên xe mô tô BKS 36F5-9250, chân trái co móc vào tay lái xe mô tô BKS 36F5-9250.

+ Vết (6): Vị trí một nạn nhân (nữ giới) nằm ngửa trên mặt đường. Đầu quay hướng T, cách tâm trục bánh sau xe mô tô BKS 36F5-9250 theo chiều T - Đông Nam 1,2m, cách mép chuẩn 1,8m. Hai tay co, chân hướng Đông Nam, hai gối co lên trên nghiêng về bên trái. Tại vị trí đầu của nạn nhân trên mặt đường có đám vết màu nâu đỏ (nghi máu), dạng chảy.

* Kết quả khám nghiệm phương tiện:

Tại Kết luận giám định số 1028/KL-KTHS ngày 10/3/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt trước bên phải ba đờ sốc trước, bên phải ca lăng, bên phải trán xe ô tô BKS 73B-007.07 với mặt sau giá đèo hàng, mặt sau dưới tay nâng và ốp nhựa đuôi xe mô tô BKS 36F5-9250.

- Tại thời điểm xảy ra va chạm xe ô tô BKS 73B-007.07 ở phía sau, cùng chiều và có vận tốc lớn hơn so với xe mô tô BKS 36F5-9250.

- Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trong khoảng từ sau đầu vết tỳ trượt số (1) đến trước đầu vết cà xước số (3) được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông;  thuộc phần đường dành cho xe cơ giới chiều từ huyện H đi cầu N và trong khu vực khoảng mở dải phân cách giữa hai chiều đường.

- Không đủ cơ sở xác định vận tốc của 2 phương tiện tại thời điểm va chạm.

* Kết quả khám nghiệm tử thi Lê Thị V:

Tại Bản kết luận giám định số 864/GĐPY-PC09 ngày 24/02/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Lê Thị V: *Đa chấn thương.*

* Kết quả khám nghiệm tử thi Hoàng Thị L:

Ngày 19/02/2023 đại diện gia đình nạn nhân Hoàng Thị L có đơn từ chối giải phẫu tử thi.

Tại Bản kết luận giám định số 863/GĐPY-PC09 ngày 24/02/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Hoàng Thị L: *Không đủ cơ sở kết luận*.

* Kết quả kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở và chất ma túy trong nước tiểu của Trịnh Ngọc C:

Đội cảnh sát giao thông trật tự - Công an thành phố T sử dụng thiết bị chuyên dụng để tiến hành kiểm tra nồng độ cồn và Trạm y tế phường Đ, thành phố T để xét nghiệm nước tiểu đối với Trịnh Ngọc C. Kết quả: *Trịnh Ngọc C không có nồng độ cồn trong khí thở; trong nước tiểu kết quả kiểm tra đều âm tính với các chất ma túy*.

Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Ngọc C đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình nạn nhân Hoàng Thị L, số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) và gia đình nạn nhân Lê Thị V số tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Đại diện gia đình nạn nhân có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị can C.

Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng vụ án xe ô tô khách BKS 73B-007.07 và 01 xe mô tô BKS 36F5-9250, quá trình điều tra Cơ quan điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại phương tiện cho chủ sở hữu hợp pháp.

Cáo trạng số 190/CT-VKSTP ngày 10/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Trịnh Ngọc C về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố T luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã đ-ược thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Khoảng $20^{h}$ 00', ngày 19/02/2023 Trịnh Ngọc C có giấy phép lái xe hợp lệ điều khiển xe ô tô khách BKS 73B - 007.07 đi từ thành phố Hà Nội vào tỉnh Quảng Bình, khi đến Km 323 + 360 đường Q thuộc địa phận thôn N, xã H, thành phố T do đi với tốc độ nhanh nhưng thiếu chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn với xe đi phía trước, dẫn đến đâm va vào xe mô tô BKS 36F5-9250 do bà Hoàng Thị L điều khiển, chở phía sau chị Lê Thị V, đang lưu thông phía trước cùng chiều, gây hậu quả làm chết hai người, nhưng không xác định được nguyên nhân chết đối với bà Hoàng Thị L, nên chỉ có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự của Trịnh Ngọc C với hậu quả gây ra làm chết 01 người là chị Lê Thị V.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trịnh Ngọc C về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Ngọc C đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Tội danh và

khung hình phạt áp dụng xét xử đối với bị cáo được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của BLHS.

[3]. Tình trạng do vi phạm an toàn giao thông vẫn ch-ưa thuyên giảm, nhất là giao thông đư-ờng bộ, nguyên nhân là do những ng-ười tham gia giao thông ch-ưa nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn giao thông. Trong vụ án này Trịnh Ngọc C là bị cáo có giấy phép lái xe hợp lệ, như-ng vì bị cáo do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ và khoảng cách giữa hai xe, nên vi phạm vào khoản 1 Điều 12 của Luật Giao thông đường bộ. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến an toàn giao thông nói chung mà còn xâm phạm đến tính mạng, tài sản của ng-ười khác nói riêng, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và hạn chế đ-ược hậu quả khác có thể xảy ra.

[4]. Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trịnh Ngọc C là đối t-ượng chưa có tiền án, tiền sự, trong vụ án này bản thân bị cáo chư-a có sai phạm, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình; người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo và tham gia ủng hộ quỹ hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình xác nhận. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì việc cách ly khỏi xã hội đối với bị cáo là không cần thiết mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục theo quy định tại khoản 1,2 Điều 65 của BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà nghiêm túc cải sửa để chấp hành một cách tốt hơn.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong cho gia đình chị Lê Thị V. Nay không yêu cầu gì cần được công nhận.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ**: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố**: Bị cáo Trịnh Ngọc C phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

**Xử phạt**: Bị cáo Trịnh Ngọc C 18(mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Ngọc C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

**Về trách nhiệm dân sự:** Công nhận bị cáo và ngư-ời đại diện hợp pháp cho bị hại đã thỏa thuận bồi thư-ờng xong.

**Về án phí:** Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- NĐDHP cho bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an T;
- L---ưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Thảo Lê Cát Tưởng Nguyễn Thị Lan A**

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- NĐDHP cho bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND TP Thanh Hóa;

- Công an T;

- L---ưu hồ sơ vụ án./.

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Vân Lê Văn Tú Nguyễn Thị Lan A1**

***Nơi nhận:***
- Các bị cáo;
- Bị hại, NLQ;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an T;
- L---ưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Vân Lê Thị Mơi Nguyễn Thị Lan A2**

***Nơi nhận:***
- Các bị cáo; người ĐDHP
- Người bị hại.
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an T;
- L---ưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Vân Lê Thị Mơi Nguyễn Thị Lan A2**

***Nơi nhận:***
- Các bị cáo;
- VKSND TP Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Công an TP Thanh Hóa;

- L---ưu hồ sơ vụ án./.

**Nguyễn Thị Lan Anh**